

Bản án số: 07/2023/HSPT
Ngày 17 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Nguyệt Hân** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: TRƯƠNG BÌNH C, sinh năm 1966; tại thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu;

Nơi cư trú: Khóm 3, phường Láng T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Bình P (chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1936; bị cáo có vợ tên Đặng Thị T, sinh năm 1967 (đã ly hôn) và 01 người con (sinh năm 1990), bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thúy K, sinh năm 1972 và có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/3/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Bạc L xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 18/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 02/8/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/10/2021 (có mặt).

2. Họ và tên: NGUYỄN THANH T, sinh năm 1986; tại huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân Lộc Đ, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Khóm 3, phường Láng T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1947 và bà Phan Thu E, sinh năm 1947; bị cáo có vợ tên Dương Thị X, sinh năm 1988 và 04 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/12/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Hà T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2021 (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông **Lê Hoàng Nhân** là Luật sư Công ty luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Các bị cáo không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập:*

1. Bị cáo: **Dương Thị X**, sinh năm 1988

2. Bị cáo: **Nguyễn Thúy K**, sinh năm 1972

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trương Bình C đã bàn bạc với Nguyễn Thanh T cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Vào đêm 05/9/2021, Nguyễn Thanh T mang theo đèn pin điều khiển vô máy từ nhà T đến nhà Trương Bình C rước C, khi đi C mang theo đèn pin và lưỡi dao lam, cả hai đi theo tuyến kênh 13 rồi qua các ngã rẽ vào tuyến kênh Cầu số 2 – Phước L để tìm các ghe thu mua lúa có tài sản sơ hở trong việc quản lý để lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/9/2021, khi đến tuyến kênh xáng Vĩnh M - Phước L đoạn thuộc ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Th, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cả hai phát hiện có một ghe thu mua lúa đang đậu ở khu vực vắng nhà dân, cách chợ Trương T khoảng 700 – 800 mét về hướng cầu số 2. Sau khi phát hiện ghe thu mua lúa trên, C kêu T tắt máy từ xa và cùng C bơi vô lại gần ghe thu mua lúa. Khi đã đến gần, C dùng đèn pin nhìn khu vực buồng lái và nơi ngủ của ghe lúa, thấy có cái ba lô đặt trong mùng cạnh bên chỗ Nguyễn Thị Thùy T và Nguyễn Trường G (G là bạn trai của T) đang ngủ. Sau đó, C kêu T kiềm chặt vô vào ghe, C leo lên ghe dùng dao lam rọc mùng lấy 01 ba lô (cái cặp) bên trong mùng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F Green Purple. Khi đã lấy được tài sản trên, C cùng T rời khỏi ghe thu mua lúa thì bị ông Nguyễn Trường G phát hiện la lên, T nhanh chóng khởi động máy và điều khiển vô máy chở C cùng tài sản vừa trộm được bỏ chạy.

Trên đường bỏ chạy, Trương Bình C kiểm tra bên trong ba lô phát hiện tiền Việt Nam đang lưu hành gồm 07 cọc tiền tất cả đều là tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, giá trị mỗi cọc tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số 07 cọc là 350.000.000 đồng và một số tờ tiền mệnh giá nhỏ từ 20.000 đồng trở xuống (tất cả số tiền trên được đựng trong 01 cái bọc nhựa) cùng một hộp đựng nữ trang bên trong có: 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, có nhiều liên kết dạng lò xo, trên vòng có gắn nhiều viên châu bằng kim loại màu vàng, có một đầu bị gãy đứt ra, trên vòng có khắc ký hiệu “MT600”; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng hình bông dừa trên dây chuyền có khắc ký hiệu “KHJ7K”; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng dạng hình hoa mai, trên mỗi chiếc bông tai có gắn nhiều đá và có khắc ký hiệu “KT17K”;

01 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn dạng hình hoa mai và có đính (gắn) nhiều đá, mặt nhẫn và thân nhẫn bị đứt rời ra; 01 nhẫn vàng 24k hình bông mai; còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F Green Purple bị rút mất không rõ vị trí nào.

Sau khi kiểm tra ba lô xong, Trương Bình C lấy tiền và nữ trang bên trong ba lô ra ngoài, rồi ném ba lô cùng với một số giấy tờ xuống sông (không nhớ vị trí nào). Trương Bình C chia cho Nguyễn Thanh T 03 cọc tiền là 150.000.000 đồng và các tờ tiền lẻ mệnh giá nhỏ từ 20.000 đồng trở xuống không xác định được cụ thể số tiền. Trương Bình C lấy số nữ trang trên cùng 04 cọc tiền là 200.000.000 đồng. Khi chia tài sản trộm được xong, T đưa C về sau đó T về nhà của mình.

Khi Nguyễn Thanh T về nhà gặp vợ tên Dương Thị X, T đưa cho X 02 cọc tiền là 100.000.000 đồng (lúc đưa tiền T có nói tiền do trộm cắp cùng C mà có). Sau đó, đến trưa ngày 06/9/2021, T tiếp tục đưa cho X 01 cọc tiền là 50.000.000 đồng và nói đó là tiền C cho thêm. Đối với số tiền nhỏ gồm các tờ tiền mệnh giá từ 20.000 đồng trở xuống, T cho con của T tiêu xài hết nhưng không xác định được cụ thể số tiền. Sau khi nhận được 150.000.000 đồng từ T thì X đem đi trả nợ và chi xài cá nhân hết.

Đối với Trương Bình C, sau khi mang số tài sản đã được chia về, C lấy 01 cọc tiền 50.000.000 đồng ra tiêu xài cá nhân, số tiền và vàng còn lại C cất giấu. Đến ngày 25/9/2021, C đưa cho vợ tên Nguyễn Thúy K 03 cọc tiền là 150.000.000 đồng và một số nữ trang; Đồng thời kêu K bán số nữ trang trên và cộng với số tiền C đưa mua vàng để dành. Cùng ngày 25/9/2021 Nguyễn Thúy K đã mang số nữ trang trên cùng 150.000.000 đồng đến tiệm vàng Thiện M, địa chỉ: Khóm 2, phường Láng T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu đặt mua 02 chiếc vòng đeo tay vàng 24k trọng lượng 10 chỉ/01 chiếc với giá 180.000.000 đồng (chưa nhận vàng); 01 sợi dây chuyền bằng vàng 17k trọng lượng 10 chỉ, 02 ly với giá là 38.400.000 đồng. Sau đó, K mang sợi dây chuyền 10 chỉ, 02 ly cùng số tiền còn lại về nhà cất giữ tại nhà. Đến ngày 28/9/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu khám xét, thu giữ.

Đến ngày 01 tháng 10 năm 2021, Trương Bình C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐ-ĐGTS ngày 19/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước L, kết luận: 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, có nhiều liên kết dạng lò xo, trên vòng có gắn nhiều viên châu bằng kim loại màu vàng, có một đầu bị gãy đứt ra, trên vòng có khắc ký hiệu “MT600”, khối lượng 56,2261 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 60,38%, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá 58.472.700 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng hình bông dứa, trên dây chuyền có khắc ký hiệu “KHJ17K”, khối lượng 34,8014 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 70,32%, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá 36.192.000 đồng; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng dạng hình hoa mai, trên mỗi chiếc bông tai có gắn nhiều đá và có khắc ký hiệu “KT17K”, khối lượng 6,9781 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 69,01%, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá 7.254.000 đồng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn dạng hình hoa mai và có đính (gắn) nhiều đá, mặt nhẫn và thân nhẫn bị đứt rời ra, khối lượng 8,1033 gam

được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 65,27%, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá 8.502.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐDGTS ngày 18/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phước L kết luận: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F Green Purple, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá là 1.700.000 đồng; 01 Balo (Cặp), đặc điểm: Màu đen, loại của người lớn có thể mang sau lưng (không xác định được kích thước cụ thể), bên ngoài balo có gắn 01 ổ khóa số, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá là 750.000 đồng; 01 Hộp đựng nữ T, đặc điểm: Màu đỏ hồng, kích thước to khoảng lòng bàn tay (không xác định được kích thước cụ thể), tại thời điểm ngày 06/9/2021 là không có giá trị; 01 Nhẫn vàng, đặc điểm: Loại vàng 24K, trọng lượng 1,5 chỉ, mặt nhẫn hình bông mai, tại thời điểm ngày 06/9/2021 có giá là 8.325.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 19 ngày 17/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phước L, kết luận: 01 sim điện thoại của nhà mạng Mobiphone số 0907343509 có giá 56.667 đồng, 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel số 0338176558 có giá 56.667 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trương Bình C, Nguyễn Thanh T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; các bị cáo Nguyễn Thúy K, Dương Thị X, phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Bình C 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày 01/10/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2021.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thúy K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị X 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

5. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy T số tiền 115.963.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Ngày 21/11/2022 bị hại Nguyễn Thị Thùy T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường số tiền bị mất là 850.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, thời hạn là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo: Quá trình điều tra chứng minh được bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T chiếm đoạt tiền Việt Nam đồng của bị hại Nguyễn Thị Thùy T là 350.000.000 đồng. Do đó, bị hại kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo C và bị cáo T bồi thường 850.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thùy T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Thùy T có quan điểm: Có căn cứ xác định trước thời điểm bị mất trộm bị hại Nguyễn Thị Thùy T rút từ Ngân hàng với số tiền là 1.750.000.000 đồng. Đối với số tiền này bị hại chi trả cho việc mua lúa với số tiền khoảng 900.000.000 đồng; Ngoài ra, không sử dụng số tiền trên vào việc nào khác, vì đây là thời điểm dịch bệnh Covid-19 việc đi lại rất hạn chế. Sau khi chi trả tiền mua lúa bị hại T còn lại số tiền 850.000.000 đồng, số tiền này chị T để trong cặp và bị các bị cáo chiếm đoạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị hại; Buộc bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường cho bị hại số tiền 850.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Bình C cùng bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/9/2021, trên tuyến kênh xáng thuộc ấp Vĩnh H, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu các bị cáo đã cùng nhau lên lút chiếm đoạt tài sản trên ghe lúa của bị hại Nguyễn Thị Thùy T; Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại gồm: 01 ba lô (cái cặp) và 01 điện thoại di động. Trên đường bỏ chạy bị cáo C kiểm tra, phát hiện bên trong ba lô có tiền Việt Nam đang lưu hành gồm 07 cọc loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, 07 cọc là 350.000.000 đồng; một số tờ tiền mệnh giá nhỏ từ 20.000 đồng trở xuống và một hộp đựng nữ trang bên trong có: 01 vòng đeo tay; 01 sợi dây chuyền; 01 đôi bông tai; 02 nhẫn đeo tay được làm bằng vàng.

[2] Bị cáo Nguyễn Thanh T xác định sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại, bị cáo Trương Bình C đã chia cho bị cáo 03 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng là 150.000.000 đồng; Bị cáo đã giao cho vợ là bị cáo Dương Thị X số tiền trên; Bị cáo Nguyễn Thúy K (vợ bị cáo C) xác định ngày 25/9/2021, bị cáo C giao cho bị cáo 03 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng là 150.000.000 đồng; Bị cáo C khai nhận tiền chiếm đoạt của bị hại ngoài chia cho bị cáo T 150.000.000 đồng, giao cho vợ là bị cáo Nguyễn Thúy K 150.000.000 đồng thì bị cáo còn chi xài 50.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo Trương Bình C, Nguyễn Thanh T và các bị cáo Dương Thị X, Nguyễn Thúy K về số tiền trên là hoàn toàn phù hợp nhau.

[3] Như đã nhận định trên (phần [2]) quá trình điều tra chỉ chứng minh được vào ngày 06/9/2021, ngoài các loại nữ trang là vàng; Bị cáo C và bị cáo T chỉ chiếm đoạt tiền Việt Nam đồng của bị hại Nguyễn Thị Thùy T là 350.000.000 đồng. Do

đó, bị hại Nguyễn Thị Thùy T kháng cáo yêu cầu bị cáo Trương Bình C, Nguyễn Thanh T phải bồi thường số tiền Việt Nam đồng đã chiếm đoạt bằng 850.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tổng giá trị tài sản bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T chiếm đoạt của bị hại có giá trị bằng 471.309.034 đồng nên bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo C và bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định; hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi đối trừ giá trị số vàng bị mất, tiền và giá trị tài sản bị hại đã được nhận lại với tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cấp sơ thẩm xác định bị hại phải được bồi thường thêm số tiền 115.963.000 đồng là phù hợp.

[6] Tuy nhiên, bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T đã cùng nhau chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Thùy T nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Nhưng bản án sơ thẩm chỉ buộc bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường số tiền trên cho bị hại là không đúng quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại. Buộc bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy T 115.963.000 đồng.

[7] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thùy T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu về phần trách nhiệm dân sự.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Bình C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2021.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2021.

5. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy T số tiền 115.963.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 57.981.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Bình C và bị cáo Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 2.899.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

7. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự huyện Phước L (01b);
- CQĐT huyện Phước L (01b);
- VKSND huyện Phước L (01b);
- TAND huyện Phước L (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS huyện Phước L (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Các bị cáo (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang